TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HS-ST
Ngày 22-12-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Thành Đức

Ông Dương Anh Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Lê Bá T, sinh ngày 09 tháng 8 năm 19xx tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn D, xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Bá T và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Phạm Thị Mỹ D và một con sinh năm 20xx; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 12-8-2020 đến ngày 21-8-2020 chuyển tạm giam; có mặt;

2. Nguyễn Bá H, sinh ngày 26 tháng 4 năm 1991 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Xóm 4, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị Th; có vợ là Nguyễn Thu H và một con sinh năm 20xx; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 12-8-2020 đến ngày 21-8-2020 chuyển tạm giam; có mặt;

3. Vũ Văn B, sinh ngày 01 tháng 11 năm 1992 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn C, xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th; có vợ là Nguyễn Thị B và ba con, lớn sinh năm 20xx, nhỏ sinh năm 20xx; tiền án: 01 tiền án, Bản án số 23/2019/HSST ngày 29-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố

Hải Phòng xử phạt 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội trộm cắp tài sản; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 12-8-2020 đến ngày 21-8-2020 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Bị hại:* Chị Trần Thị L, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện , thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Anh Trần Văn Ch, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại*: Bà Nguyễn Thị Hậu - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn 5, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Anh Lê C, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Đội 4, thôn B, xã , huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4. Anh Phạm Đức Đ, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện , thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Vũ Mạnh Nh; vắng mặt.

2. Anh Phạm Văn H; vắng mặt.

3. Anh Vũ Văn C; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 8 năm 2020, Lê Bá T gặp và quen biết chị Trần Thị L (tên gọi khác là Txx). T biết chị L là người nhận thức không bình thường, có tài sản là 01 điện thoại di động và 01 xe mô tô nên đã nảy sinh ý định và thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị L, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Trưa ngày 05-8-2020, T bàn bạc với Vũ Văn B sẽ hẹn gặp chị L, sau đó T nói dối điện thoại của mình hết tiền để lừa mượn điện thoại của chị L mang bán lấy tiền, B đồng ý. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, T hẹn chị L đến phòng 202 nhà nghỉ C, thuộc thôn 14, xã H, huyện T; tại đây, T bảo với chị L *"máy điện thoại em còn tiền không cho B mượn để gọi điện cho người khác lấy tiền"*. Chị L tin tưởng nên đã đưa điện thoại cho B, B không gọi điện mà cầm đi ra ngoài cổng. Sau đó, B gọi T xuống cùng B mang chiếc điện thoại trên đến bán cho anh Nguyễn Văn Th được 900.000 đồng. Sau đó, T và B vào quán Internet ở thôn

5, xã H chơi, T đưa cho B 350.000 đồng để mua thẻ điện thoại và tiêu xài, số tiền còn lại T sử dụng chi tiêu cá nhân.

Lần thứ hai: Ngày 05-8-2020, B nhặt được các giấy tờ xe mô tô (01 giấy mua bán xe, 01 đăng ký và 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự) của chị L rơi ở sân nhà nghỉ C. Trong khi đi bán điện thoại, B đưa các giấy tờ trên nhờ T trả lại cho chị L. T có được giấy tờ xe nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của chị L. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 06-8-2020, T bàn bạc với Nguyễn Bá H sẽ lừa mượn xe mô tô trên của chị L mang bán lấy tiền, H đồng ý. Khoảng 20 giờ ngày 07-8-2020, H đi xe mô tô đến nhà đón T. T sử dụng điện thoại của H nói dối hẹn chị L đến cầu Dương Áo, xã H để lấy giấy tờ xe và điện thoại. Chị L tin tưởng nên điều khiển xe mô tô BKS 15H1-183.67 đến cầu Dương Áo gặp T. Tại đây, T nói dối chị L điện thoại B đang "cắm" ở trên Trù (xã T) còn giấy tờ xe thì T không biết, T sẽ chở chị L đi chuộc điện thoại, chị L đồng ý. Tiếp theo, T điều khiển xe mô tô chở chị L nhưng không đưa đi chuộc điện thoại mà đi đến cánh đồng thôn Đ, xã Đ, huyện T. Tại đây, T, H và chị L ngồi chơi khoảng 15 phút thì T sử dụng điện thoại của H soạn nội dung tin nhắn *"tí tao bảo mượn xe thì mày bảo xe hết xăng rồi để tao mượn xe nó"* đưa H đọc, H đọc xong đã xóa tin nhắn. Sau đó, T mượn xe mô tô của chị L như đã thống Nh với H. T điều khiển xe đến gặp Vũ Mạnh Nh nhờ Nh dẫn đến cầm cố xe cho anh Nguyễn Văn H được 1.500.000 đồng. Sau khi cầm cố xe, T quay lại gặp chị L nói dối chiếc xe bị C an bắt giữ, sáng hôm sau mới giải quyết được. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 08-8-2020, T và Vũ Văn C mang giấy tờ xe đến nhà anh H để cầm cố lấy thêm tiền nhưng do anh H không có tiền nên đã đồng ý dẫn T đến nhờ Phạm Đức Đ mang xe của chị L bán cho anh Lê C L được 9.000.000 đồng. Bán được xe, T đưa anh H 1.500.000 đồng và cho thêm 500.000 đồng, cho Đ 200.000 đồng, số tiền còn lại T tiêu xài hết.

Ngày 11-8-2020, anh Trần Văn Ch (là anh trai chị L) gửi đơn tố cáo việc chị L bị chiếm đoạt tài sản đến công an huyện Tiên Lãng. Ngày 12-8-2020, T, H và B đến công an huyện Tiên Lãng đầu thú. Khám xét khẩn cấp nơi ở của các bị cáo không thu giữ được đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án.

Ngày 12-8-2020, anh L tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra C an huyện Tiên Lãng: 01 xe mô tô BKS 15H1-183.67, 01 đăng ký xe số 021205, 01 bảo hiểm tự nguyện số 017276032. Cùng ngày, anh Nguyễn Văn Th tự nguyện giao nộp 01 điện thoại OPPO A1K. Ngày 16-9-2020, anh L tiếp tục giao nộp 01 giấy mua bán xe của cửa hàng Anh Dũng ghi ngày 10-02-2020, 01 giấy mua bán xe ghi ngày 08-8-2020 giữa người bán là Phạm Đức Đ, người mua là Lê C L, 01 giấy photocopy chứng minh nhân dân của Đ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-GĐ ngày 14-8-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiên Lãng kết luận: 01 điện thoại OPPO A1K màu đỏ, ram 2Gb, bộ nhớ trong 32Gb dùng được hai sim, camera trước 5MP, camera sau 8MP dung L pin 400MAH, đã qua sử dụng, giá trị còn lại = 45% = 1.300.000 đồng. 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đỏ đen, BKS 15H1-183.67, số khung: RLCJ5B9507Y011146, số máy: 5B9501146, đã qua sử dụng giá trị còn lại = 79% = 11.800.000 đồng. Tổng giá trị của 02 loại tài sản là 13.100.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra công an huyện Tiên Lãng đã trả lại cho chị L 01 điện thoại OPPO A1K; 01 xe mô tô Yamaha Jupiter, BKS 15H1-183.67; 01 đăng ký xe số 021205; 01 bảo hiểm tự nguyện số 01727603; 01 giấy mua bán xe của cửa hàng Anh Dũng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường. Anh Nguyễn Văn Th không yêu cầu các bị cáo T và B hoàn trả lại số tiền mua điện thoại là 900.000 đồng. Anh L yêu cầu bị cáo T phải bồi thường số tiền mua xe là 9.000.000 đồng, bị cáo T đồng ý nhưng đến nay chưa bồi thường cho anh L.

Tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 20-11-2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng đã truy tố các bị cáo T, H và B về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Các bị cáo T, H và B khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo thừa nhận việc bị điều tra, truy tố, xét xử là không oan sai, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo T đồng ý bồi thường 9.000.000 đồng, là số tiền mà anh L đã bỏ ra để mua chiếc xe mô tô Yamaha Jupiter, BKS 15H1-183.67 nhưng hiện nay bị cáo chưa bồi thường được; bị cáo hứa sau khi chấp hành xong án phạt tù sẽ đi làm kiếm tiền trả cho anh L và không yêu cầu H phải hoàn trả số tiền 500.000 đồng, Đ phải hoàn trả số tiền 200.000 đồng.

Bị hại là chị Trần Thị L và người đại diện hợp pháp của bị hại là anh Trần Văn Ch có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thể hiện đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và yêu cầu bị cáo T phải bồi thường 9.000.000 đồng là số tiền mà anh đã bỏ ra để mua chiếc xe mô tô Yamaha Jupiter, BKS 15H1-183.67.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Th, anh Nguyễn Văn H, anh Phạm Đức Đ và những người làm chứng vắng mặt, Hội đồng xét xử C bố lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền C tố luận tội và tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; căn cứ (điểm b đối với bị cáo B) khoản 1 Điều 174; Điều 17; Điều 38; (Điều 56 đối với bị cáo B); điểm s khoản 1 (điểm i khoản 1 đối với các bị cáo Thành và H) và khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

Lê Bá T mức án từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù;

Nguyễn Bá H mức án từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù;

Vũ Văn B mức án từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt cải tạo không giam giữ theo Bản án số 23/2019/HSST ngày 29-7-2019 của Tòa án

nhân dân huyện Tiên Lãng. Tính đến ngày phạm tội 05-8-2020, bị cáo B đã chấp hành được 10 tháng 12 ngày, còn phải chấp hành 13 tháng 18 ngày cải tạo không giam giữ; quy đổi (01 ngày tạm giam = 03 ngày cải tạo không giam giữ) thành 04 tháng 16 ngày tù. Buộc bị cáo B phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là từ 16 tháng 16 ngày tù đến 19 tháng 16 ngày tù.

Thời hạn chấp hành án phạt tù đối với các bị cáo được tính từ ngày tạm giữ 12-8-2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Th không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Buộc bị cáo T phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh L 9.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Thành phải nộp lại 550.000 đồng và bị cáo B phải nộp lại 350.000 đồng là số tiền các bị cáo phạm tội mà có để nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền bị cáo T đưa cho H 500.000 đồng và Đ 200.000 đồng: Bị cáo T đồng ý bồi thường cho anh L toàn bộ số tiền 9.000.000 đồng và không yêu cầu H và Đ phải hoàn trả cho bị cáo số tiền đã nhận. Đây là sự tự nguyện của bị cáo T nên đề nghị Hội đồng xét xử không buộc H và Đ nộp lại để sung công quỹ Nhà nước.

Buộc các bị cáo H và B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo T thuộc hộ cận nghèo nên được miễn tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Nhất trí với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử các bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên C an huyện Tiên Lãng, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- *Về tội danh:*

[2] Lời khai của các bị cáo Lê Bá T, Nguyễn Bá H và Vũ Văn B tại phiên toà phù hợp với các tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án. Được chứng minh bằng lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; biên bản người phạm tội ra đầu thú; biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận: Ngày 05-8-2020, tại Nhà nghỉ Cây Xoài, thôn 14, xã H, huyện Tiên Lãng, các bị cáo T và B đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị Trần Thị L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1K, màu đỏ, đã qua sử dụng có giá trị theo Kết luận của Hội đồng định giá là 1.300.000 đồng và ngày 07-8-2020, tại cánh đồng thôn Đ, xã Đ, huyện Tiên Lãng, các bị cáo T và H đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị L 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu đỏ đen, BKS 15H1-183.67, đã qua sử dụng, có giá trị theo Kết luận của Hội đồng định giá là 11.800.000 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo T và H đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[3] Bị cáo B có một tiền án về tội trộm cắp tài sản (Bản án số 23/2019/HSST ngày 29-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng xử phạt 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội trộm cắp tài sản) chưa được xóa án tích mà lại lừa đảo chiếm đoạt tài sản có giá trị 1.300.000 đồng nên có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận hành vi của bị cáo B đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[4] Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nH vẫn cố ý thực hiện với mục đích bán lấy tiền ăn tiêu.

[5] Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật.

[6] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cần thiết cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[7] *Xét vai trò của các bị cáo:* Trong vụ án này, các bị cáo cố ý cùng thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ, phân công, phân nhiệm cụ thể. Bị cáo T đóng vai trò đầu vụ, là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trực tiếp bán các tài sản đã chiếm đoạt được và thực hiện việc phân chia tiền bán tài sản. Các bị cáo H và B với vai trò tích cực, trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và ăn chia tiền bán tài sản chiếm đoạt được. Như vây, bị cáo T là người có vai trò chính, các bị cáo H, B phạm tội với vai trò thấp hơn bị cáo T.

[8] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo chiếm đoạt tài sản của chị L, là người khuyết tật nặng, đối tượng bảo trợ xã hội được trợ cấp hàng

tháng nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội đối với người khuyết tật nặng" theo điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[9] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo T và H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T và bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo B thành khẩn khai báo; các bị cáo T và B có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự và bị cáo T có bác ruột là liệt sĩ; các bị cáo đầu thú. Là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- *Về trách nhiệm dân sự:*

[10] Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Th không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh L yêu cầu bị cáo T phải bồi thường 9.000.000 đồng, là số tiền mà anh L đã bỏ ra để mua chiếc xe mô tô Yamaha Jupiter, BKS 15H1-183.67, bị cáo T đồng ý trả cho anh L số tiền trên. Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh L 9.000.000 đồng.

[12] *Về hình phạt bổ sung:* Các bị cáo không có nghề nghiệp, điều kiện kinh tế khó khăn và đang nuôi con nhỏ, bị cáo T thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

- *Về xử lý vật chứng:*

[13] 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1K; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, BKS 15H1-183.67; 01 đăng ký xe số 021205; 01 bảo hiểm tự nguyện số 01727603; 01 giấy mua bán xe của cửa hàng Anh Dũng. Cơ quan điều tra Công an huyện Tiên Lãng đã trả lại cho chủ sở hữu chị Trần Thị L là đúng quy định pháp luật.

[14] Buộc bị cáo T phải nộp lại 550.000 đồng và bị cáo B phải nộp lại 350.000 đồng là số tiền các bị cáo phạm tội mà có để nộp ngân sách Nhà nước theo điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Về vấn đề khác*:

[15] Đối với Vũ Văn C, Vũ Mạnh Nh, Nguyễn Văn H, Phạm Đức Đ, Nguyễn Văn Th và Lê C L không tham gia vào việc chiếm đoạt tài sản của chị L và không biết về nguồn gốc tài sản là do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra C an huyện Tiên Lãng không xử lý là có căn cứ.

[16] Đối với số tiền bị cáo Thành đưa cho H 500.000 đồng và Đ 200.000 đồng: Bị cáo Thành đồng ý bồi thường cho anh L toàn bộ số tiền 9.000.000 đồng và không yêu cầu H và Đ phải hoàn trả cho bị cáo số tiền đã nhận nên không tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền của H, Đ.

[17] *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy B Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo H và B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Thành thuộc hộ cận nghèo nên được miễn nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Lê Bá T 18 (*Mười tám*) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 12-8-2020.

Bị cáo Nguyễn Bá H 12 (*Mười hai*) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 12-8-2020.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 174; Điều 17; Điều 38; Điều 56; Điều 58; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Vũ Văn B 12 (*Mười hai*) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp với hình phạt cải tạo không giam giữ theo Bản án số 23/2019/HSST ngày 29-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Tính đến ngày tạm giữ 12-8-2020, bị cáo B đã chấp hành được 10 tháng 12 ngày, còn phải chấp hành 13 tháng 18 ngày cải tạo không giam giữ; quy đổi (03 ngày cải tạo không giam giữ = 01 ngày tù) thành 04 tháng 16 ngày tù.

Buộc bị cáo B phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 16 (*Mười sáu*) tháng 16 (*Mười sáu*) ngày tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 12-8-2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự,

Buộc bị cáo T phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê C L 9.000.000 (*Chín triệu*) đồng.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Buộc bị cáo T phải nộp ngân sách Nhà nước 550.000 (*Năm trăm năm mươi nghìn*) đồng; bị cáo B phải nộp ngân sách Nhà nước 350.000 (*Ba trăm năm mươi nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016

của Ủy B Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc H và B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Thành được miễn nộp tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Các bị cáo T, H và B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Trần Thị L có quyền kháng cáo (phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của chị L) trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại là chị L, người đại diện hợp pháp của bị hại là anh Trần Văn Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Th, anh Nguyễn Văn H, anh Phạm Đức Đ và anh Lê C L có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tiên Lãng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PC10, PV06);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng